

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày 13-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đình Hùng và ông Doãn Văn Sáng

- **Thư ký phiên toà:** Bà Dương Thị Thanh Thủy – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 234/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/HSST-QĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Hoàng Quốc T, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1991 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Vũ Thị Mai P và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/10/2024; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn H, nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi ở hiện nay: Nhà T, thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Nhà T, Tổ dân phố S, phường A, thành phố T, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn B và bà Trần Thị U; nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố S, phường A, thành phố T, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 05/7/2024, trên đường đi làm qua khu đô thị C thuộc khu Công nghiệp V huyện T (nay là thành phố T), thành phố Hải Phòng, anh H có đánh rơi 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Redmi C67, màu ghi xám, có gắn Sim 0354626386. Sau khi phát hiện tài khoản ngân hàng V cài trên điện thoại bị chuyển đi số tiền 4.700.000 đồng, anh H gửi đơn trình báo Công an khu Công nghiệp Vsip huyện T (nay là thành phố T), thành phố Hải Phòng. Qua xác minh, điều tra cơ quan Công an huyện T (nay là thành phố T), xác định Hoàng Quốc T, sinh năm 1991; nơi cư trú xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ là người nhặt được điện thoại của anh H sau đó đến quán tạp hoá của ông Phạm Văn B, bà Trần Thị U tại thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố S, phường A, thành phố T, thành phố Hải Phòng) chuyển 4.700.000 đồng vào tài khoản của bà Trần Thị U để lấy tiền mặt.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Quốc T khai nhận: Khoảng 7 giờ ngày 05/7/2024 khi đi từ thôn S, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố S, phường A, thành phố T, thành phố Hải Phòng) về khu đô thị C - khu công nghiệp V, T nhặt được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi C67, màu ghi xám, có gắn Sim 0354626386 đã qua sử dụng. Sau khi kiểm tra, T thấy điện thoại không cài mật khẩu nên đã mở ứng dụng Ngân hàng V trên điện thoại, thấy trong tài khoản có 4.700.000 đồng nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. T cầm điện thoại đến quán tạp hoá của ông Phạm Văn B, Trần Thị U tại thôn S, xã A, huyện T (nay là thành phố T), thành phố Hải Phòng. Tại đây T gặp ông B, T sử dụng chiếc điện thoại vừa nhặt được của anh H chuyển 4.700.000 đồng vào số tài khoản 104876367436, ngân hàng V tên chủ tài khoản TRAN THI UOM để lấy tiền mặt. Sau đó, T quay lại quán ăn đưa 4.700.000 đồng vừa rút được và 300.000 đồng của T cho một người trong quán nhờ người này chuyển vào tài khoản của T 5.000.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, Công an đồn V1 triệu tập T lên làm việc, T đã khai báo toàn bộ sự việc như trên và trả cho anh H số tiền 4.700.000 đồng cùng chiếc điện thoại di động.

Tại cơ quan điều tra bị hại là anh Nguyễn Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn B, bà Trần Thị U trình bày như nội dung nêu trên.

Tại Bản Kết luận giám định số 3561/KL-KTHS ngày 27/11/2024 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: 01 (một) tập tin video có phần mở rộng “MP4” dung lượng 8,97 MB (MD5:CBE6FD7414EB897F69A21D0E5EDB76) được lưu

trong 01 USB nhãn hiệu Kingston đã qua sử dụng (Ký hiệu A) không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 16 tháng 12 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên (nay là Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên) truy tố bị cáo Hoàng Quốc T về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Quốc T đã trả lại anh H 4.700.000 đồng và chiếc điện thoại, anh H không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và khai: Bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại của anh H, vào tài khoản Ngân hàng trên điện thoại của anh H để chiếm đoạt số tiền 4.700.000 đồng. Bị cáo đã hoàn trả lại anh H chiếc điện thoại và số tiền nêu trên. Bị cáo rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc

khieu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/7/2024 tại khu vực xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, bị cáo đã có hành vi dùng điện thoại của anh Nguyễn Văn H, sử dụng thông tin về tài khoản ngân hàng V, số tài khoản 106878711325, mật khẩu “Baoanh19@” trên điện thoại đăng nhập vào tài khoản và chiếm đoạt của anh H 4.700.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh mạng viễn thông, đồng thời xâm phạm quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân, gây mất trật tự, trị an ở địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[3] Xét về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo và bị hại đã tự hòa giải được với nhau, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo về cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cũng đảm bảo răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Về trách nhiệm dân sự:

[6]. Bị hại đã nhận lại điện thoại và số tiền 4.700.000 đồng không yêu cầu bồi thường, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Những vấn đề khác:

[8] Đối với ông Phạm Văn B và bà Trần Thị U' nhận tiền qua tài khoản và đưa tiền mặt cho T không biết nguồn gốc số tiền trên do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Hoàng Quốc T phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Hoàng Quốc T.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú

không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách”.

2. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q, bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an thành phố Thủy Nguyên;
- CQTHAHS- Công an thành phố Thủy Nguyên;
- Phòng PV06- Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Trại tạm giam- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THA DS thành phố Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an thành phố Thủy Nguyên;
- CQTHAHS- Công an thành phố Thủy Nguyên;
- Phòng PV06- Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Trại tạm giam- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THA DS thành phố Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

